

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 55/2020/HSST

Ngày: 27/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

2/ Ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 27/05/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2020/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. T - Sinh năm 1995, tại Gia Lai; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Làng P 1, xã BH, TP.P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: V, sinh năm 1973, hiện trú tại làng P 1, xã BH, TP.P, tỉnh Gia Lai và bà: T (đã chết); Vợ: BL, sinh năm 1998; Bị cáo có 02 con (sinh năm 2014 và 2018); Ngày 26/9/2016, bị Tòa án nhân dân TP.P, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 152/2016/HSST; chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Ngày 23/3/2017, chấp hành xong hình phạt tù (lần bị kết án này, bị cáo T đã được xóa án tích); Tiền án: Không. Tiền sự: Không; Bị cáo T bị tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 18/9/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an TP.P. Có mặt.

2. L - Sinh năm 2000, tại Gia Lai; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Làng P 2, xã BH, TP.P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Lh, sinh năm 1964 và bà: Hn, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 18/9/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP.P. Ngày 18/12/2019, được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

3. K - Sinh năm 1998, tại Gia Lai; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Làng P 2, xã BH, TP.P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: My, sinh năm 1975 và bà: HP, sinh năm 1977; Vợ: YT, sinh năm 2000, chưa có con. Hoạt động bản thân: Ngày 24/9/2014, bị Tòa án nhân dân TP.P, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù, về tội: “*Cướp giật tài sản*” (theo điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 152/2014/HSST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 15/7/2015, chấp hành xong hình phạt tù (lần bị kết án này, bị cáo K đã được xóa án tích); Ngày 20/6/2018, bị Tòa án nhân dân TP.P, tỉnh Gia Lai xử phạt 22 tháng 23 ngày tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự), tại Bản án số 89/2018/HSST và được trả tự do tại phiên tòa (lần bị kết án này, bị cáo K đã được xóa án tích); Tiền án: Không. Tiền sự: Không; Bị cáo K bị tạm giữ từ ngày 11/9/2019 đến ngày 18/9/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an TP.P. Có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Viết H - Sinh năm 1980, tại Gia Lai; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 2, xã BH, TP.P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; Con ông: Trần Viết S (đã chết) và bà: Huỳnh Thị M, sinh năm 1961; Vợ: Trương Thị Bích Q, sinh năm 1983 và 02 người con (sinh năm 2002 và 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/9/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

5. Đinh Đức M - Sinh năm 1984, tại Gia Lai; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 4, xã BH, TP.P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đinh Văn C, sinh năm 1961 và bà: Nguyễn Thị C (đã chết); Vợ: Đinh Thị M Trang, sinh năm 1989 và 02 người con (sinh năm 2009 và 2019); Tiền sự: Không. Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/9/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

* *Người phiên dịch:* Ông KM; địa chỉ: 58 Lê Thánh T, phường IK, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người bị hại:* Ông Nguyễn Đức H; địa chỉ: Thôn 1, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đinh Văn N, sinh năm 1993; địa chỉ: Làng Mơ Núi, xã CA, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Lh, sinh năm 1964 và bà Hn, sinh năm 1965; địa chỉ: Làng P 2, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Đinh Văn C, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn 4, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà HP (tên gọi Kc: Pen), sinh năm 1977; địa chỉ: Làng P 2, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Chị YT (vợ bị cáo K), sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 02, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T, K và L có quan hệ quen biết nhau. Khoảng 19 giờ ngày 03/7/2019, T đến quán Internet X-Game ở Thôn 3, xã BH, TP.P để chơi Games, thì gặp K cũng đang chơi tại đây. T khởi xướng và rủ K đi trộm cắp hoa phong lan để bán lấy tiền tiêu xài; K đồng ý. Khi T và K vừa ra khỏi quán Internet, thì gặp L đi bộ đến; T rủ L cùng đi trộm cắp hoa phong lan với T và K, thì L đồng ý. K điều khiển xe mô tô biển số 81F9-1900 chở L, T điều khiển xe mô tô (chưa xác định được biển số) đi đến vườn nhà ông Nguyễn Đức H tại Thôn 01, xã BH, TP.P, để trộm cắp hoa phong lan. Khi cách vườn nhà ông H hơn 200 mét, K và T giấu 02 xe mô tô vào bụi cây, rồi cả ba đi bộ theo đường mòn đến tường rào vườn nhà ông H. Lúc này khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, trời mưa, tối; thấy tường rào xây gạch cao, phía trên có giăng dây kẽm gai, nên T đưa cho K 01 chiếc kìm (do T mang theo sẵn) để cắt dây kẽm gai. Tiếp đó, K đứng lên vai của L, dùng kìm cắt dây kẽm gai phía trên tường gạch. Sau khi K cắt dây kẽm gai xong, T cầm kìm trèo qua tường rào vào bên trong; khi vào trong, T tiếp tục dùng kìm cắt lưới B40, rồi đột nhập vào vườn hoa phong lan của ông H. Lúc này, K leo ngồi trên tường rào, chờ T lấy hoa lan để chuyển ra ngoài. T lấy 03 giỏ hoa phong lan, gồm: 01 giỏ loại lan Mít Phú Thọ, được gắn trên khúc cây gỗ nhãn; 01 giỏ loại lan Mía Hòa Bình, có 10 thân, được gắn trên khúc gỗ mít và 01 giỏ lan mắt đỏ Hòa Bình, có 06 thân, được gắn trên khúc gỗ cau đưa cho K; K chuyển cho L đứng dưới đất, phía ngoài tường rào. Sau khi trộm cắp được 03 giỏ hoa lan nêu trên, T, K và L mang đến chỗ giấu xe mô tô, cất giấu 03 giỏ hoa lan vào bụi cây, rồi cùng nhau đi thuê xe ô tô chở hoa lan đi bán.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/7/2019, sau khi cất giấu 03 giỏ hoa lan vừa trộm cắp được, T, K và L đến nhà Trần Viết H ở Thôn 2, xã BH, TP.P, để thuê xe ô tô của H chở hoa lan đi bán. Do xe ô tô của H cho đã cho người khác thuê, nên H gọi điện thoại cho Đinh Đức M đến nhà H để chở khách, M đồng ý. Một lúc sau, M điều khiển xe ô tô hiệu Toyota, loại Innova, biển số 81A-153.27 đến nhà H, chở T, K, L và H đi đến vị trí T, K, L cất giấu hoa phong lan. Lúc này, mặc dù T, K, L không nói về nguồn gốc hoa phong lan, nhưng H và M nhận thức và biết 03 giỏ hoa phong lan là do T, K, L trộm cắp mà có. H và M không nói gì, mà đồng ý chở T, K, L cùng với 03 giỏ hoa phong lan đến tiệm rửa xe của anh Đinh Văn N ở số 767

đường LD, xã CA, TP.P để hỏi bán. Lúc này, tiệm rửa xe của anh N đã đóng cửa, T đi vào gõ cửa gọi và hỏi N có mua hoa lan không, thì anh N trả lời có mua, nên T, K, L mang 03 giỏ hoa vào cho anh N xem; H và M cũng vào theo. Sau khi xem xong, anh N trả giá 03 giỏ hoa là 10.000.000 đồng. Nghe anh N trả giá như vậy, mặc dù không pH hoa của mình, nhưng H nói: *“03 giỏ lan to vậy mà có 10 triệu thôi à, không bán nữa đi về”*. Nghe H nói vậy, T, K, L cầm 03 giỏ hoa lan đi ra xe ô tô 81A-153.27 để về, thì N trao đổi lại với T và thống nhất mua 03 giỏ hoa lan trên với giá 20.000.000 đồng. Số tiền bán hoa lan mà có, T trả tiền thuê xe cho M 1.500.000 đồng, cho H 1.500.000 đồng, chia đều cho T, K, L mỗi người 5.000.000 đồng; còn lại 2.000.000 đồng T, K và L tiêu xài chung. Sau khi chia tiền, T, K và L quay lại quán Internet X-Game tiếp tục chơi Games. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, K đi về nhà ngủ.

Sau khi K về, T và L quay lại vườn của ông Nguyễn Đức H để tiếp tục trộm cắp hoa lan, thì L đồng ý. T điều khiển xe mô tô (chưa xác định được biển số) chở L đến cất giấu vào bụi cây cách vườn nhà ông H khoảng hơn 200 mét (vị trí trước đó đã cất giấu xe và hoa lan), rồi cả hai đi bộ đến tường rào vườn loa lan của ông H. Lúc này khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03/7/2019, L đứng ngoài, T leo qua hàng rào đột nhập vào vườn lan (vị trí đã cất dây kẽm gai và lưới B40 trước đó) trộm cắp 01 giỏ hoa lan loại 05 cánh trắng Tuyên Quang, có 08 thân, đựng trong chậu nhựa. Khi T vừa trộm cắp được giỏ hoa lan trên, thì bị ông H phát hiện, tri hô. T cầm giỏ hoa lan trèo qua hàng rào thoát ra ngoài, cùng L chạy đến vị trí xe để xe mô tô, cất giấu giỏ hoa lan vào bụi cây, rồi cả hai đi về nhà ngủ. Đến khoảng 17 giờ ngày 04/7/2019, T và L đến lấy giỏ hoa lan đã trộm cắp và cất giấu trước đó, rồi đến thuê Trần Viết H chở đi bán. H điều khiển xe ô tô biển số 81A-115.35, chở T, L và giỏ hoa lan đến tiệm rửa xe của Đình Văn Nghiêm; T vào bán giỏ hoa lan cho N được 3.000.000 đồng. Tiền bán hoa lan mà có, T trả tiền thuê xe cho H 1.000.000 đồng, chia cho T và L mỗi người 1.000.000 đồng; số tiền trên, T và L đã tiêu xài hết.

Sau khi mua 04 giỏ hoa phong lan do T, K, L mang đến bán, anh Đình Văn N đã bán lại cho ông Nguyễn Đình Lc (sinh năm 1982, trú thôn ĐĐ, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang - là anh họ của Nghiêm) 01 giỏ hoa lan Mít Phú Thọ và 01 giỏ hoa lan loại 05 cánh trắng Tuyên Quang), với giá 12.000.000 đồng. Sau đó, N đổi cho ông Lc giỏ hoa lan Mía Hòa Bình để lấy 02 giỏ hoa lan của ông Lc. Đối với giỏ hoa lan mất đồ Hòa Bình, N treo tại nhà mình. Đến ngày 08/9/2019, T và L ra đầu thú, khai nhận về hành vi cùng với K trộm cắp hoa phong lan của ông Nguyễn Đức H như nêu trên; Trần Viết H ra đầu thú, khai nhận về hành vi chở hoa phong lan do T, L, K trộm cắp đi bán; ngày 11/9/2019, K ra đầu thú. Trên cơ sở lời khai T, L, K và H, Cơ quan C sát điều tra Công an TP.P đã thu giữ của Đình Văn N 04 giỏ hoa phong lan, gồm: 01 giỏ hoa lan loại 05 cánh trắng Tuyên Quang, 01 giỏ hoa lan Mía Hòa

Bình, 01 giỏ hoa lan Mít Phú Thọ và 01 giỏ hoa lan mắt đỏ Hòa Bình; thu giữ của H 2.500.000 đồng; thu giữ của Đinh Đức M 1.500.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/7/2019, T rủ L và K đã cắt rào đột nhập vào vườn của ông Nguyễn Đức H trộm cắp 03 giỏ hoa phong lan các loại, có tổng trị giá 50.000.000 đồng. Sau đó, T, L và K đến thuê Trần Viết H và Đinh Đức M chở 03 giỏ hoa phong lan trộm cắp được đến số nhà 767 đường LD, xã CA, TP.P, bán cho Đinh Văn N lấy 20.000.000 đồng. Khi đến vị trí T, L và K cất giấu 03 giỏ hoa phong lan, H và M đều nhận thức và biết đây là tài sản do T, L, K trộm cắp mà có, nhưng vẫn đồng ý chở đi bán; bản thân H còn giúp sức cho việc bán để được giá.

Khoảng 22 giờ ngày 03/7/2019, T rủ L tiếp tục đột nhập vào vườn của ông Nguyễn Đức H trộm cắp 01 giỏ hoa lan trị giá 50.000.000 đồng, rồi mang ra bụi cây gần đó cất giấu. Đến khoảng 17 giờ ngày 04/7/2019, T và L nói dối là hoa lan của L, mang giỏ hoa trên đến nhà H nhờ H chở đi bán cho Đinh Văn N, lấy 3.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 08/9/2019, T, L và Trần Viết H ra đầu thú; ngày 11/9/2019, K ra đầu thú. 04 giỏ hoa phong lan T, L và K trộm cắp, đã được thu giữ, trả lại cho ông H.

Tại Cáo trạng số 07/CTr-VKS ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố T và L và K về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 173, Trần Viết H và Đinh Đức M về tội “Tiêu thụ tài sản do người Kc phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù;

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điểm b và s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo L 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điểm b và s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo K từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; Điều 58; các Điểm i và s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Trần Viết H 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điểm i và s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử

phạt bị cáo Đinh Đức M từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

Buộc bị cáo T nộp lại 6.000.000 đồng tiền hưởng lợi từ do bán tài sản trộm cắp để sung vào ngân sách nhà nước.

Qua yêu cầu định giá, tại Kết luận định giá số 139 ngày 12/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP.P kết luận trị giá 04 giỏ lan (bị chiếm đoạt vào ngày 03/7/2019) theo giá thị trường cụ thể: 01 giỏ hoa lan, loại 05 cánh trắng Tuyên Quang: 50.000.000 đồng; 01 giỏ hoa lan Mít Phú Thọ: 15.000.000 đồng; 01 giỏ hoa lan Mía Hòa Bình, có 10 thân: 20.000.000 đồng; 01 giỏ hoa lan Mất đỏ Hòa Bình, có 06 thân: 15.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá số 139 ngày 12/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP.P.

** Ý kiến của người tham gia tố tụng:*

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Đức H (lời khai tại hồ sơ): Sau khi được Cơ quan C sát điều tra Công an TP.P trả lại 04 giỏ hoa lan bị chiếm đoạt, do hoa bị hư hỏng một phần, nên ông Nguyễn Đức H yêu cầu được bồi thường đã được gia đình các bị cáo bồi thường: L đã tác động ông Lh (là cha của L) bồi thường cho ông H số tiền 50.000.000 đồng, chị YT (vợ K) bồi thường 30.000.000 đồng, hiện ông không có yêu cầu gì về phần dân sự, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo L và K.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đinh Văn N: Có 02 lần mua 04 giò lan như các bị cáo khai nhận, khi mua không biết là tài sản trộm cắp. Sau khi mua 04 giỏ hoa phong lan do T, K, L mang đến bán, anh Đinh Văn N đã bán lại cho ông Nguyễn Đình Lc (sinh năm 1982, trú thôn ĐĐ, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang - là anh họ của Nghiêm) 01 giỏ hoa lan Mít Phú Thọ và 01 giỏ hoa lan loại 05 cánh trắng Tuyên Quang), với giá 12.000.000 đồng. Sau đó, Nhờ cho ông Lc giỏ hoa lan Mía Hòa Bình để lấy 02 giỏ hoa lan của ông Lc. Đối với giỏ hoa lan mất đỏ Hòa Bình, N treo tại nhà mình. Toàn bộ số hoa phong lan trên N đã giao Cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại. Hiện anh không có yêu cầu gì về phần dân sự.

- Ông Lh và bà Hn: Do L tác động, ông và bà đã bồi thường cho ông Nguyễn Đức H số tiền 50.000.000 đồng, ông và bà không có yêu cầu gì về khoản tiền bồi thường cho ông H.

- Ông Đinh Văn C: Ông là chủ xe ô tô biển số 81A-153.27, ngày 03/7/2019, ông C cho M mượn xe để đi chở Kch thuê; việc M sử dụng xe để chở tài sản do người Kc trộm cắp đi bán, thì ông C không biết.

- Bà HP: Là mẹ của K. Ngày 03/7/2019, K mượn xe đi chơi, nhưng sau đó sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, thì bà HP không biết. Hiện bà đã nhận lại xe trên, không có yêu gì.

- Chị Trinh (vợ của bị cáo K): Do K tác động, chị đã bồi thường cho ông Nguyễn Đức H số tiền 30.000.000 đồng, chị không có yêu cầu gì về khoản tiền bồi thường cho ông H.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ Kc có tại hồ sơ vụ án thấy các bị cáo đã có hành vi phạm tội:

Các bị cáo T, K và L có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người Kc, đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự; Giá trị tài sản mà các bị cáo T và L chiếm đoạt có tổng trị giá 100.000.000 đồng, tài sản bị cáo K chiếm đoạt là 50.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo T, L và K thuộc Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đinh Đức M và Trần Viết H biết rõ tài sản là do T, L và K trộm cắp nhưng vẫn chờ đi bán để hưởng tiền công. Hành vi của các bị cáo H và M phạm vào tội: “*Tiêu thụ tài sản do người Kc phạm tội mà có*” được quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo H và M giúp tiêu thụ là 50.000.000 đồng, nên hành vi của các bị cáo thuộc Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tài sản và quyền sở hữu hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đến tài sản của người Kc đều PHẠM NTRỊ theo quy định của pháp luật không chỉ răn đe mà còn phòng ngừa chung đối với tội phạm. Các bị cáo là những người có sức khỏe, nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người Kc các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người Kc. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.gây

mất an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến sự bình yên của cộng đồng, trật tự - an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo pH Ntrị để răn đe và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

[4] Về mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của từng bị cáo: Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện tội phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo L và K là người tiếp nhận sự khởi xướng sau đó các bị cáo cùng trực tiếp thực hiện tội phạm. Vai trò của bị cáo T cao hơn bị cáo L và K.

Đối với bị cáo K và T bản thân các bị cáo đã từng bị kết án về các tội phạm do cố ý, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học, không có ý thức học tập, lao động để làm người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội; T, L 02 lần trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần thuộc tình tiết tăng nặng tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Hành vi của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, gây mất an ninh tại địa phương. Hơn nữa tệ nạn trộm cắp trên địa bàn nơi các bị cáo T, L và K cư trú diễn biến phức tạp, do đó cần quyết định cho các bị cáo một mức án Nkhắc tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

Đối với các bị cáo Trần Viết H và Đinh Đức M: Vì hám lợi, khi nhận chở hoa lan, biết là tài sản trộm cắp, nhưng vì muốn hưởng tiền công nên đã giúp các bị cáo T, L, K tiêu thụ tài sản, bị cáo H còn giúp can thiệp về giá bán tài sản; vai trò của bị cáo H cao hơn bị cáo M. Các bị cáo pH chịu trách nhiệm tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

[5] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và biện pháp chấp hành hình phạt:

Các bị cáo T, L, K là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã thành khẩn khai báo; Sau khi phạm tội các bị cáo đã đầu thú; các bị cáo L và K đã tác động gia đình bồi thường tài sản bị hư hỏng cho người bị hại, và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định tại các điểm b và s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt;

Đối với các bị cáo Trần Viết H và Đinh Đức M, quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội do bộc phát và thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít Ntrọng, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H đã đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự cần được áp dụng để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo có

nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên thấy không cần thiết pH cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, L và K không có tài sản riêng và không có thu nhập; Các bị cáo H và M đã nộp toàn bộ tiền do phạm tội mà có nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và 80.000.000 đồng tiền bồi thường; người liên quan đều không có yêu cầu gì về phần bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[8] Bị cáo T chưa bồi thường cho người bị hại, được hưởng lợi 6.000.000 đồng do bán tài sản trộm cắp, cần buộc bị cáo T nộp lại khoản tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về việc xử lý các tài sản và các tình huống có liên quan trong vụ án:

Đối với xe mô tô biển số 81F9-1900 và xe ô tô biển số 81A-153.27, là phương tiện K và M sử dụng đi thực hiện hành vi trộm cắp và chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ các chủ sở hữu bà HP và ông Đinh Văn C không biết. Do vậy, Cơ quan C sát điều tra Công an TP.P không thu giữ, xử lý đối với các xe trên là phù hợp.

Đối với xe mô tô mà T sử dụng làm phương tiện cùng đồng phạm đi thực hiện hành vi trộm cắp là xe do T mua lại của người khác, nhưng không nhớ họ tên, địa chỉ người bán và không nhớ biển kiểm soát; sau khi sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp, T đã bán lại xe cho người Kc nhưng không rõ họ tên, địa chỉ người mua, chiếc kìm T đưa cho K cắt dây kẽm gai và lưới B40 để đột nhập vào vườn hoa lan của ông H, sau đó K và T đã làm mất, nên Cơ quan điều tra cũng không thu giữ được nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với hành vi của Trần Viết H trong việc giúp các bị cáo L và Thứ chở 01 giỏ hoa lan đi bán vào ngày 04/7/2019, trước đó (ngày 03/7/2019) đã giúp K, L Thứ tiêu thụ tài sản trộm cắp và có can thiệp về giá bán tài sản để hưởng lợi, ngày hôm sau: cùng đối tượng, cùng loại tài sản, chỉ Kc thời điểm, H lại cho rằng không biết là tài sản trộm cắp; Lý do H đưa ra là chở lan vào ban ngày, lan nhỏ hơn. Nhận thấy có nhiều lý do H khai không phù hợp với các tình tiết khách quan khác Tòa án đã trả hồ sơ để yêu cầu làm rõ những nội dung trên nhưng Viện kiểm sát không chấp nhận, vẫn giữ nguyên quan điểm. Vì giới hạn phạm vi xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm của bị cáo H đối với lần giúp tiêu thụ 2 (ngày 04/7/2019). Đối với xe ô tô biển số 81A-115.35, là phương tiện Trần Viết H sử dụng chở T, L và 01 giỏ hoa phong lan đi bán vào ngày 04/7/2019, Cơ quan C sát điều tra Công an TP.P không thu giữ, xử lý đối với xe ô tô trên là phù hợp.

[10] Xử lý vật chứng: Đối với số tiền 4.000.000 đồng do Trần Viết H và Đinh Đức M giao nộp, là tiền H và M được T trả khi chở hoa lan do T và đồng phạm trộm cắp được đi bán. Cần sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo T, L và K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Đinh Đức M và Trần Văn H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người Kc phạm tội mà có”.

2/ Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo T **04 năm 06 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2019.

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điểm b và s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo L **03 năm 06 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án; được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2019 đến ngày 18/12/2019.

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điểm b và s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo K **04 năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điểm i và s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Viết H **01 năm 03 tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điểm i và s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đinh Đức M **01 năm** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Viết H và Đinh Đức M cho Ủy ban nhân dân xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Các vấn đề khác:

- Tịch thu tiền liên quan đến tội phạm: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo T pH nộp 6.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Sung vào ngân sách nhà nước 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng chẵn*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/01/2020 giữa Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

- Án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo T, L, K, Trần Viết H và Đinh Đức M và mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- UBND xã BH;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thu Hương